



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Sao Thái Dương

Ngày 30/06/2025	1,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q2/25
6.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.28 -56.7%
YoY: ▼12.0 -65.5%

LN thuần Q2/25
-6.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.73 -364%
YoY: ▲ 4.87 44.7%

LN sau thuế Q2/25
-7.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.51 -280%
YoY: ▲ 5.42 42.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-49.6%
YoY: +/- ▼ 52.2%

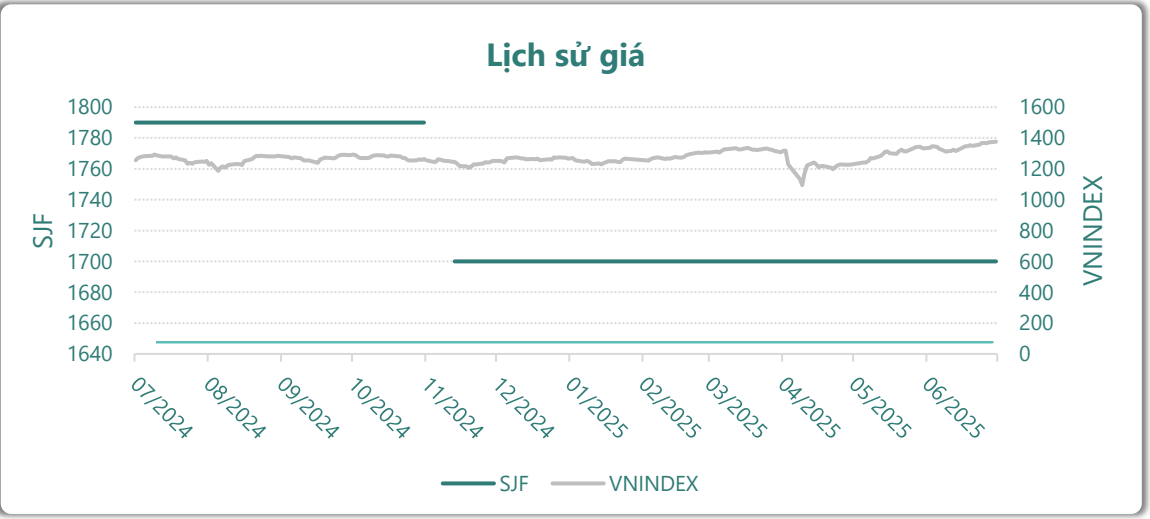
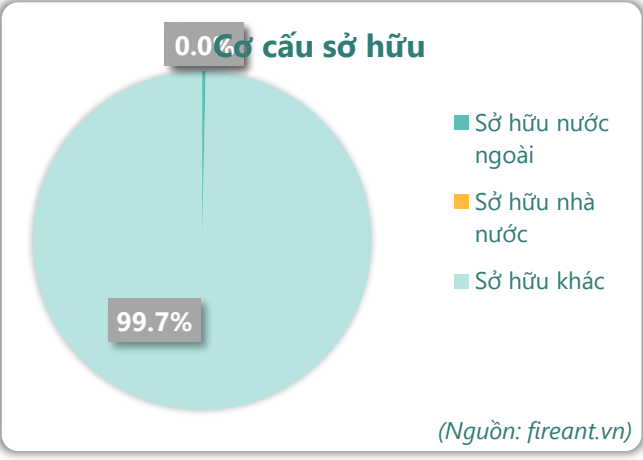
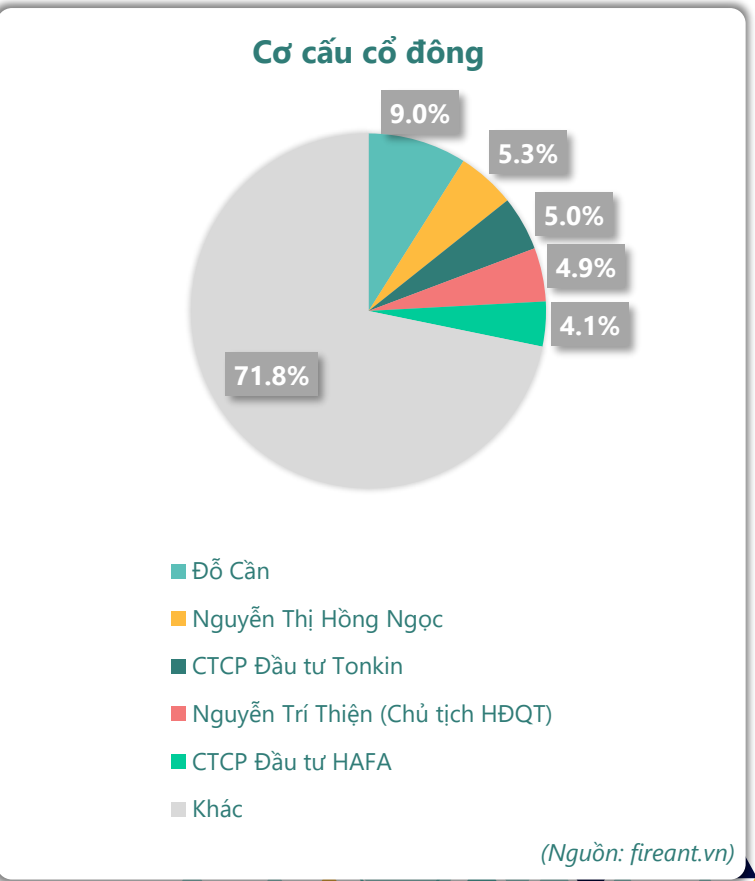
ROE (TTM) Q2/25
0.8%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	135
Số lượng CPLH (CP)	79,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	-
EPS	48
P/E	35.4

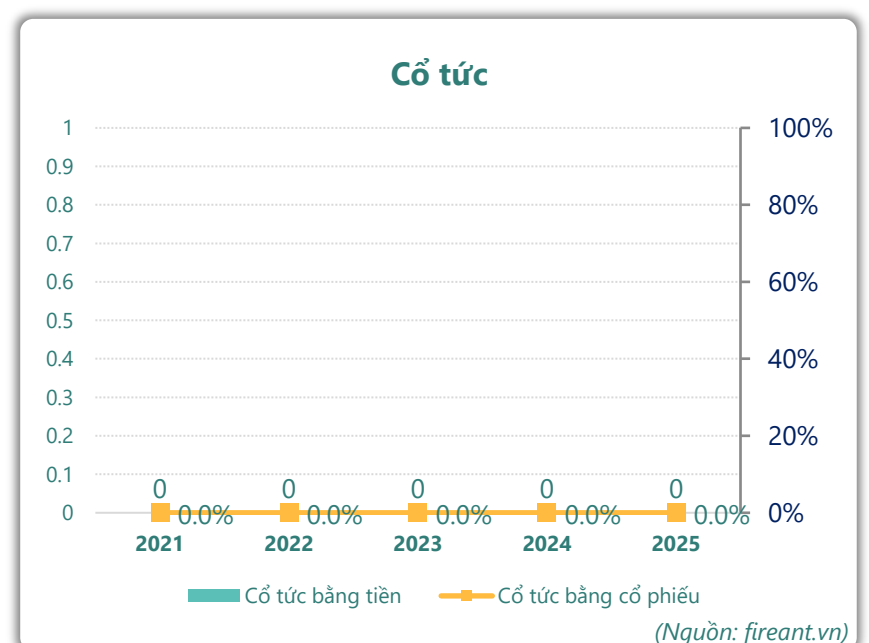
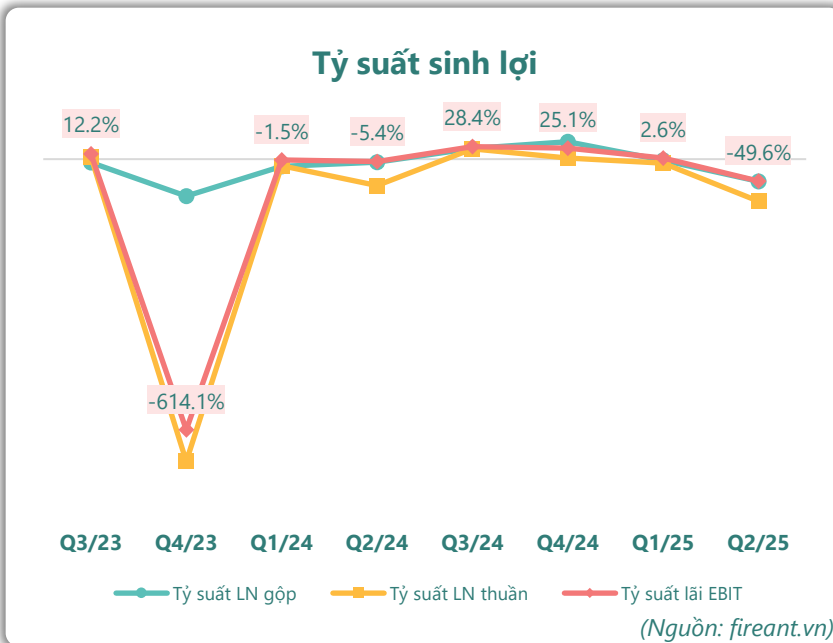
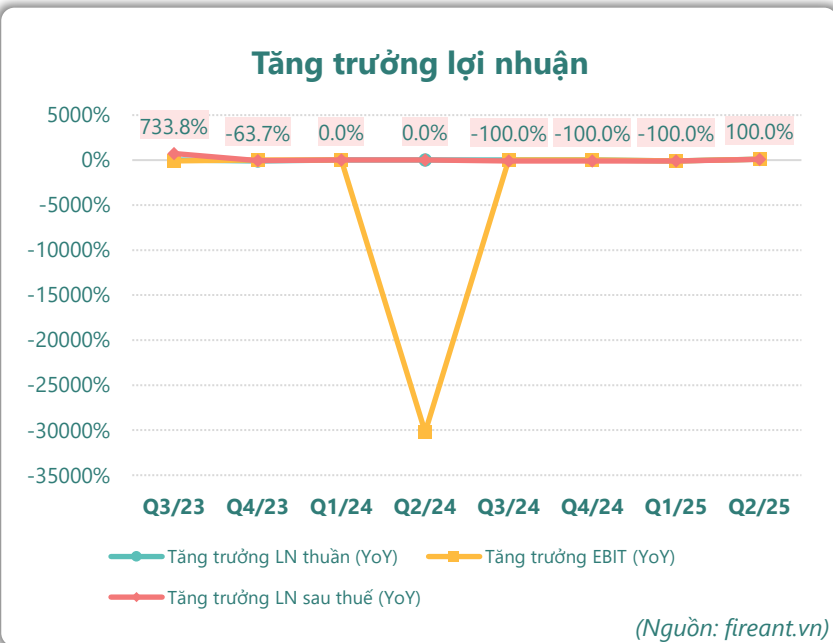
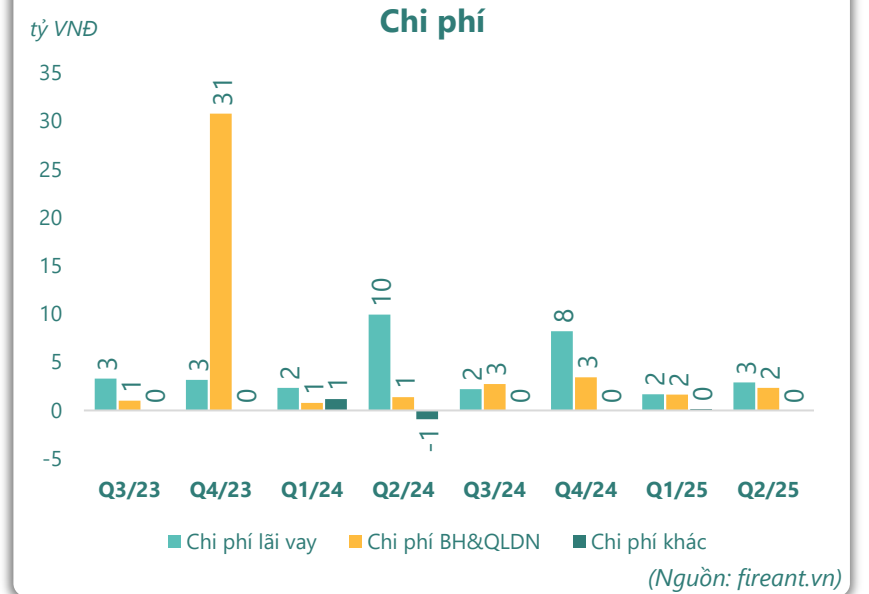
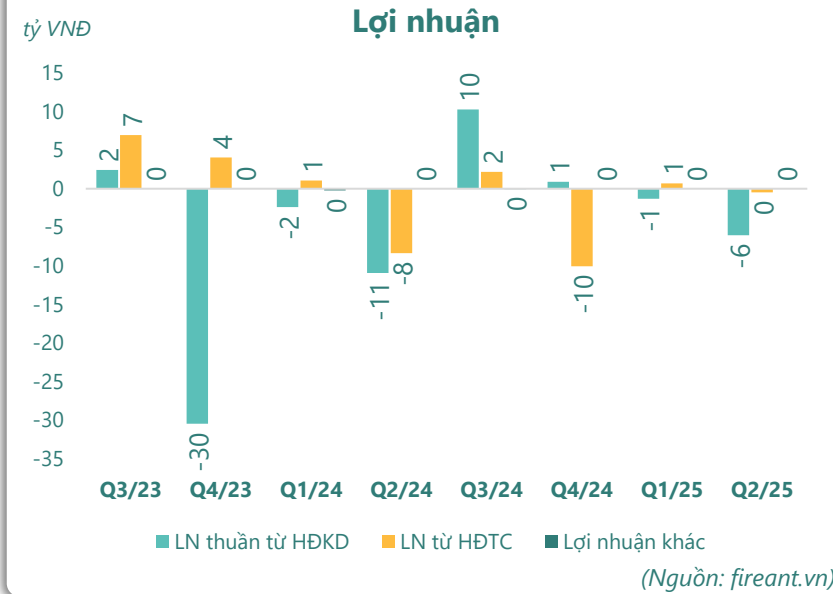
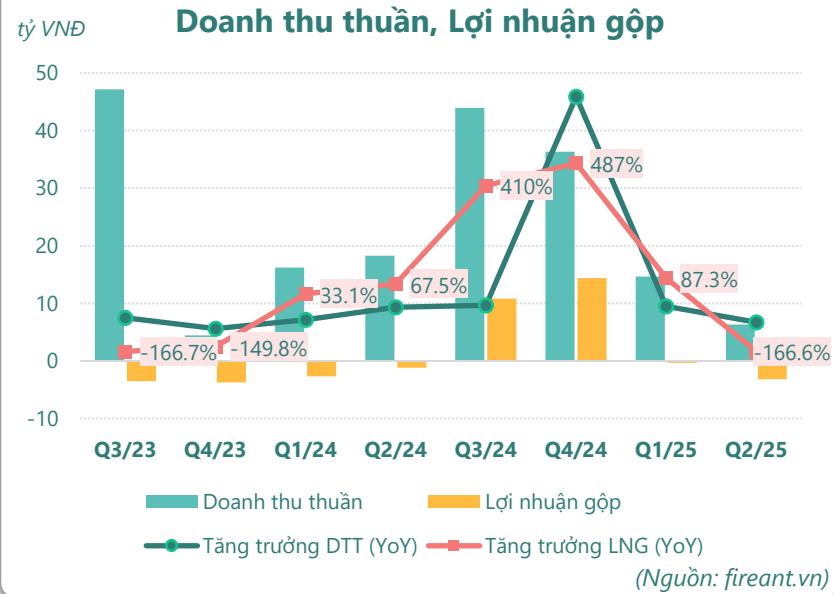
DT thuần 6T 2025
21.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.5 -39.3%

LN thuần 6T 2025
-7.33
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.97 44.9%

LN sau thuế 6T 2025
-9.45
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.05 42.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH

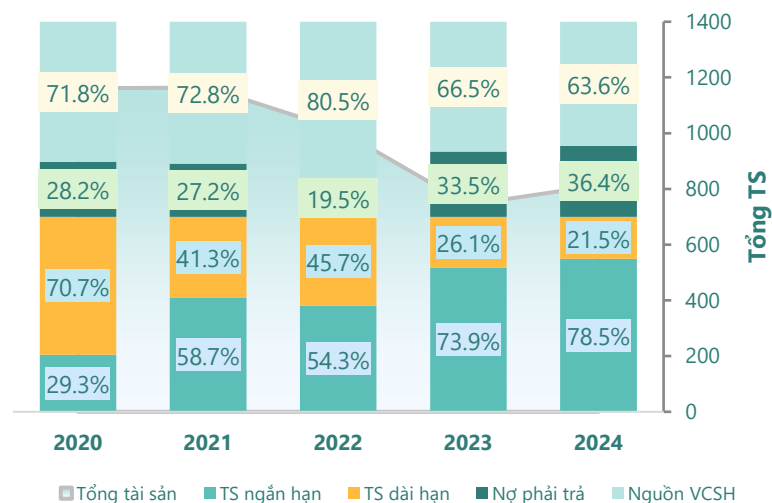




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

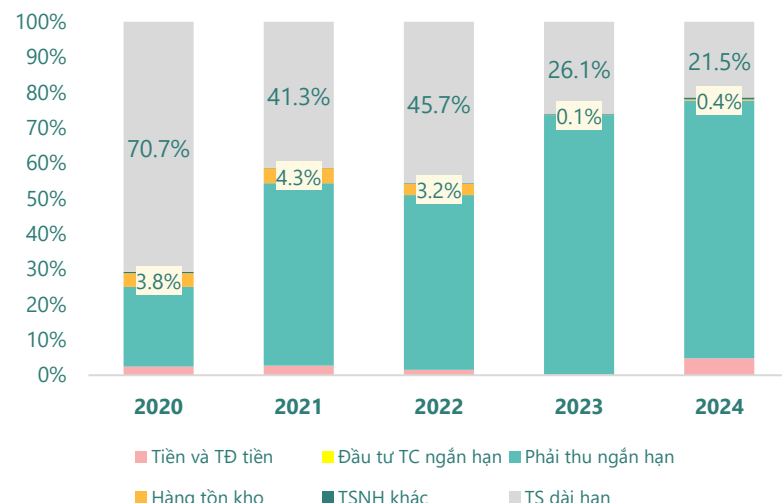
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

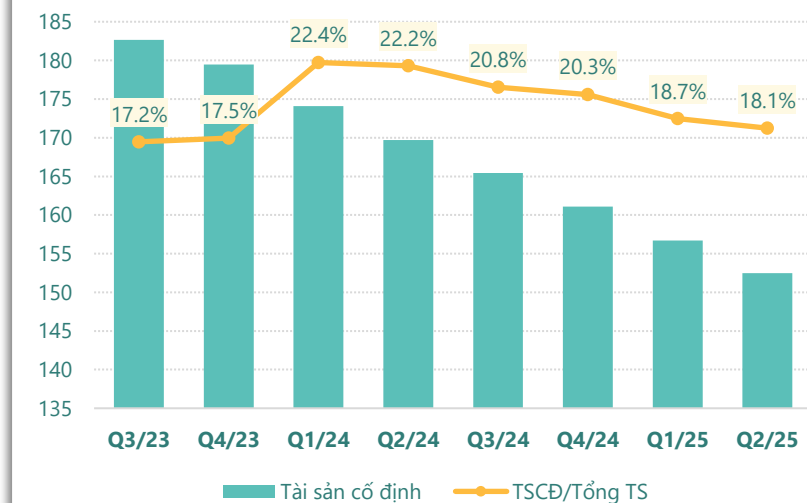
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

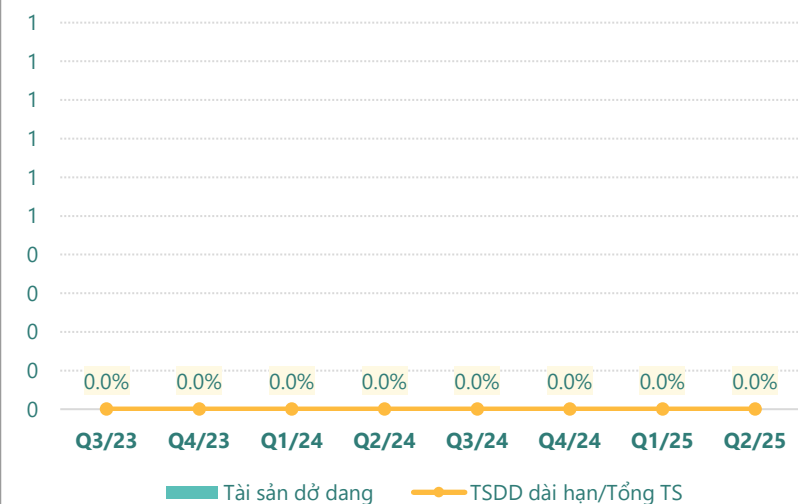
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

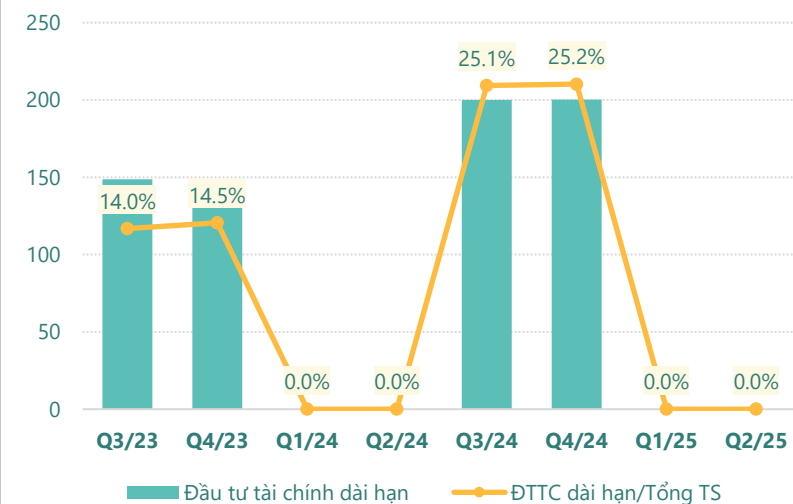
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

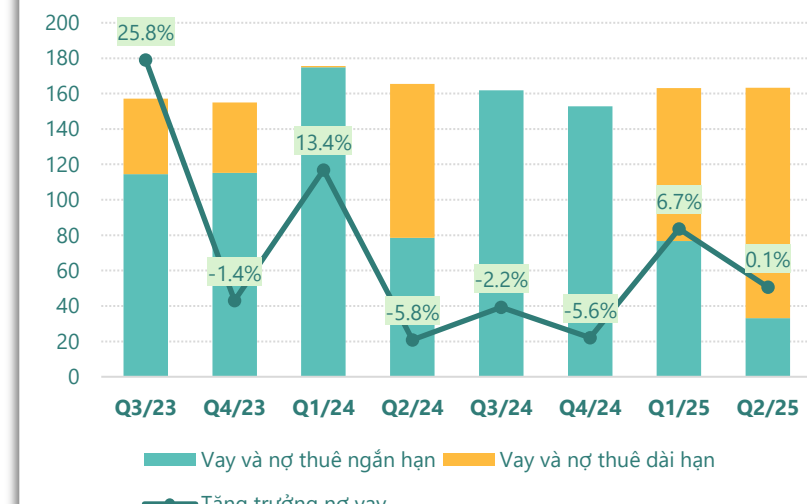
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

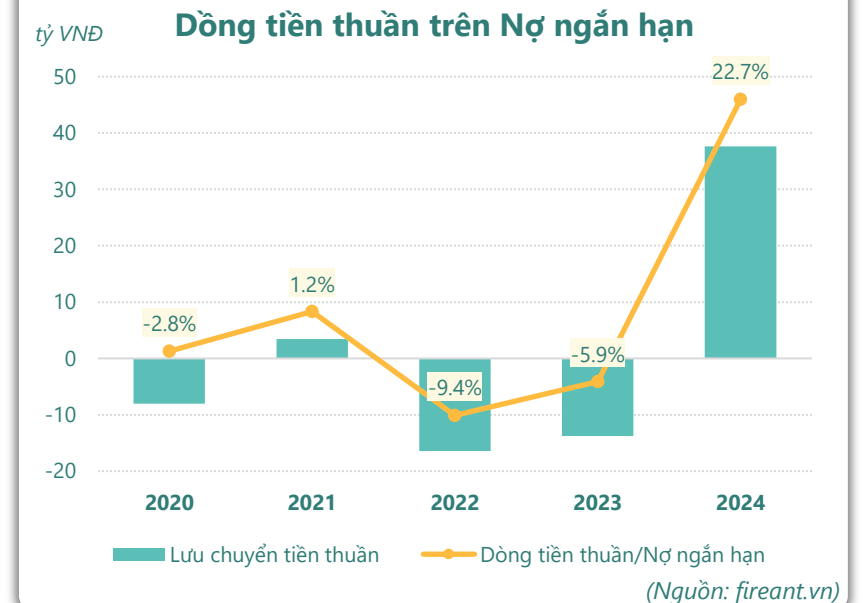
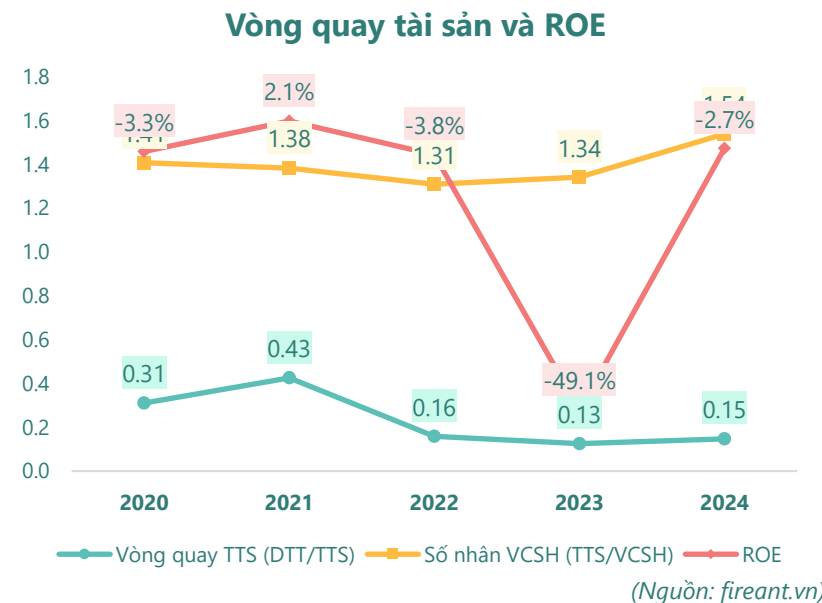
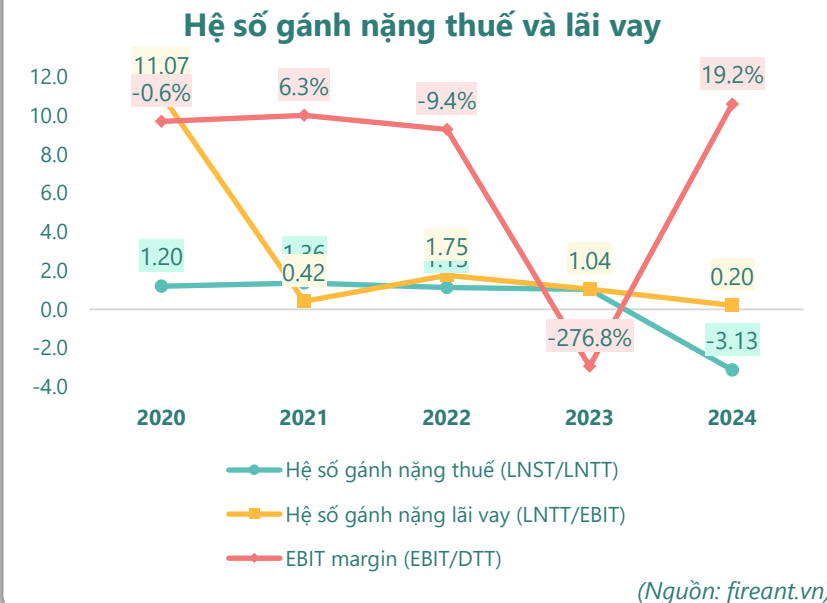
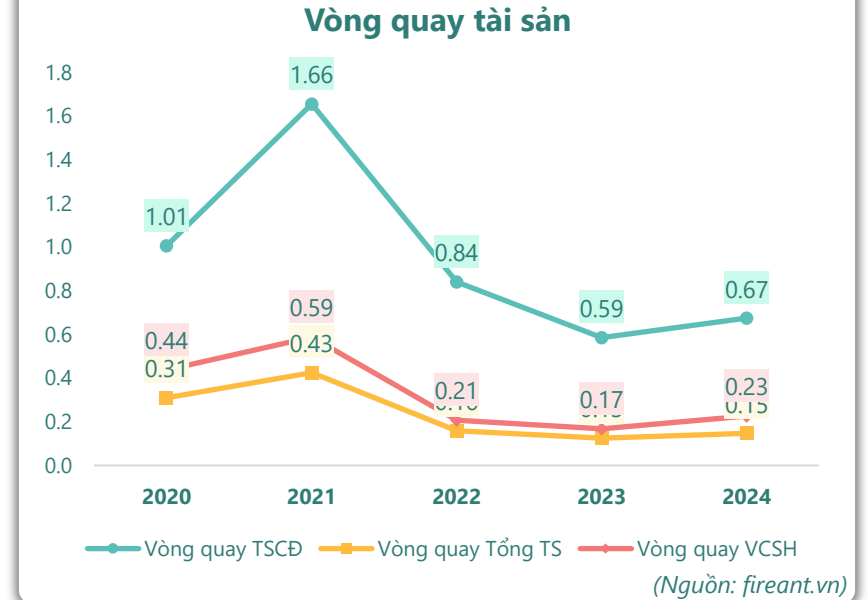
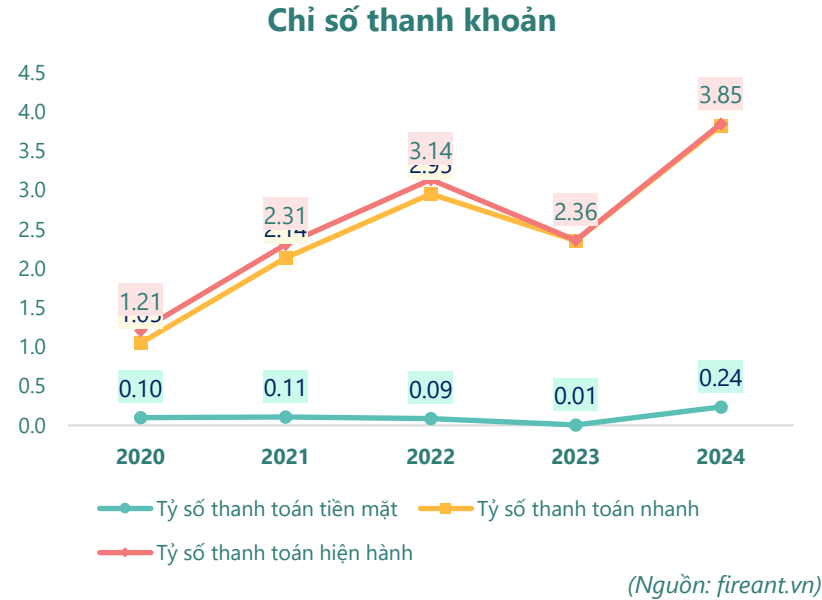
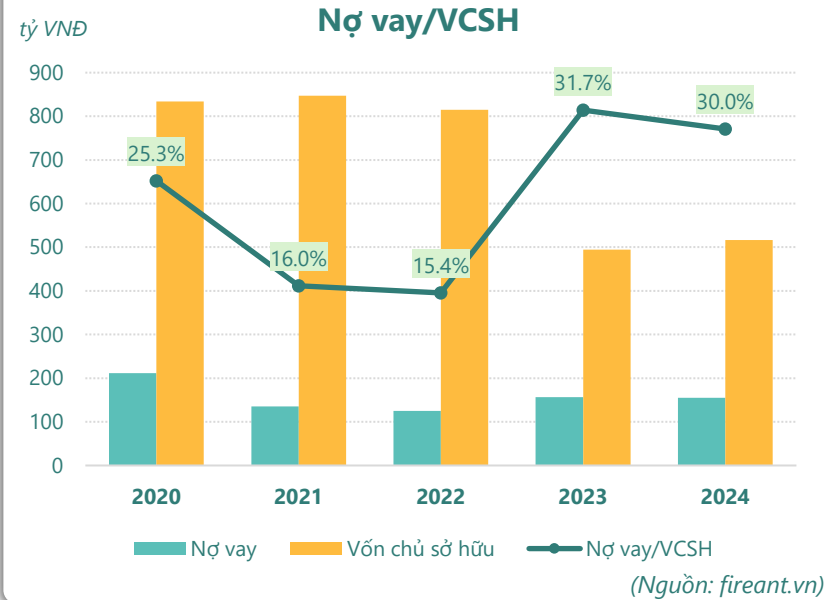
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.32	18.3	-65.5%	21.0	34.5	-39.3%
Giá vốn hàng bán	9.51	19.5	-51.2%	24.5	38.3	-36.1%
Lợi nhuận gộp	-3.19	-1.20	-166%	-3.53	-3.84	8.2%
Doanh thu HĐTC	2.41	4.20	-42.6%	4.79	7.61	-37.0%
Chi phí TC	2.90	12.5	-76.8%	4.59	14.9	-69.2%
Chi phí lãi vay	2.90	9.95	-70.9%	4.59	12.3	-62.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.09	0.00		1.99	0.04	5557%
Chi phí QLDN	1.27	1.39	-8.9%	2.02	2.13	-5.1%
LN thuần từ HĐKD	-6.03	-10.9	44.7%	-7.33	-13.3	44.9%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0	-0.22	100%
LN trước thuế	-6.03	-10.9	44.7%	-7.33	-13.5	45.8%
Lợi nhuận sau thuế	-7.48	-12.9	42.0%	-9.45	-16.5	42.9%
LNST của CĐ cty mẹ	-7.23	-8.82	18.1%	-9.08	-12.3	26.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.6	15.1	167	-90.1	-5.69	3.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.9	-84.6	-156	88.5	-36.0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.1	-12.8	-0.98	-9.04	8.05	0.21
Tiền đầu kỳ	1.37	85.8	3.53	13.7	39.0	5.36
Lưu chuyển tiền thuần	84.5	-82.3	10.2	-10.7	-33.7	3.43
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	85.8	3.53	13.7	2.98	5.36	8.79

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	841	813	3.5%
Tài sản ngắn hạn	676	638	5.9%
Tiền và tương đương tiền	8.79	39.0	-77.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	657	592	11.0%
Hàng tồn kho	6.25	3.46	80.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.18	3.82	9.2%
Tài sản dài hạn	165	174	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	152	161	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.8	13.3	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	334	296	12.9%
Nợ ngắn hạn	168	166	1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.1	68.6	-51.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.5	20.9	-40.3%
Nợ dài hạn	166	130	27.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	130	86.4	50.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	507	517	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	507	517	-1.8%
Vốn điều lệ	792	792	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

